

**TỜ TRÌNH**

**Về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền  
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Thực hiện Chương trình kỳ họp thứ 5 của Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XVI, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể:

**I. Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố gồm:**

1. Quy định nội dung chi, mức chi đặc thù chuẩn bị, tổ chức một số kỳ thi áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội.
2. Quy định nội dung chi, mức chi cho Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông của thành phố Hà Nội.
3. Quy định mức tiền thưởng đối với giải thưởng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, lĩnh vực thể thao quần chúng do các cấp thành phố, khu vực, toàn quốc tổ chức và chế độ đối với vận động viên khi tham gia các giải thể thao quần chúng.
4. Quy định mức hỗ trợ thêm tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.

**II. Nguyên tắc chung xây dựng nội dung, mức chi**

1. Các cơ chế, nội dung, mức chi phù hợp với yêu cầu thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách các cấp.
2. Các cơ chế, nội dung, mức chi được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định.

Tại điểm g, h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, HĐND cấp tỉnh có quyền hạn: *Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ; Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương và chính sách thu hút, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức,*

người lao động làm việc tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương và quy định của cơ quan nhà nước cấp trên.

(Nguyên tắc cụ thể của từng quy định tại các Tờ trình của liên ngành: GDĐT-TC; VH TT-TC; BHXH-LĐTBXH-TC đính kèm)

### **III. Quy định cụ thể một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố**

#### **1. Quy định nội dung chi, mức chi đặc thù chuẩn bị, tổ chức một số kỳ thi áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội.**

##### ***1.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết***

- Một số kỳ thi thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 69/2021/TT-BTC; Thông tư đã quy định nội dung chi nhưng chưa quy định về mức chi, cụ thể: nội dung chi về tiền công cho người làm phách/chấm thi/phúc khảo/chấm thẩm định bài thi tự luận, bài thi trắc nghiệm, bài thi thực hành, bài thi nói, bài thi tin học; tiền công tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi) đối với kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, lớp 10 chuyên trung học phổ thông.

- Một số kỳ thi thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo do địa phương thực hiện nhưng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 69/2021/TT-BTC: kỳ thi nghề phổ thông và kỳ thi tốt nghiệp tiếng Pháp cấp trung học cơ sở cho học sinh học chương trình song ngữ tiếng Pháp, chương trình tiếng Pháp tăng cường của Hà Nội cũng phải tổ chức theo quy chế thi tốt nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nội dung chi tương tự như các kỳ thi quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC nhưng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 69/2021/TT-BTC<sup>1</sup>.

- Đối với nội dung chi hỗ trợ cộng tác viên thanh tra khi được trưng tập làm công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi đối với các kỳ thi:

Ngày 13/10/2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 23/2016/TT-BGDĐT quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ thi (Thông tư số 23/2016/TT-BGDĐT), trong đó:

---

<sup>1</sup> Ngày 14/6/2019, Quốc hội ban hành Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020. Vì vậy, để đảm bảo tính phù hợp, thống nhất với các quy định pháp luật hiện hành, ngày 03/6/2022, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 1563/SGDĐT-QLT gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xin ý kiến về căn cứ pháp lý của Kỳ thi tốt nghiệp song ngữ tiếng Pháp cấp trung học cơ sở.

Để đảm bảo tiến độ, hồ sơ trình UBND Thành phố, HĐND Thành phố, trước mắt Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị trình nội dung chi, mức chi đối với kỳ thi tốt nghiệp tiếng Pháp cấp trung học cơ sở cho học sinh học chương trình song ngữ tiếng Pháp, chương trình tiếng Pháp tăng cường để làm cơ sở triển khai, thực hiện. Đồng thời, Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm cập nhật ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo về nội dung này trước khi trình HĐND Thành phố.

Tại khoản 2 Điều 20, quy định: “*Lực lượng tham gia đoàn thanh tra của Sở Giáo dục và Đào tạo là thanh tra viên, công chức thuộc cơ quan thanh tra sở; trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra Sở trưng tập công tác viên thanh tra là công chức thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; công tác viên thanh tra giáo dục của Sở*”.

Tại Điều 23 kinh phí hoạt động thanh tra các kỳ thi:

“1. *Bộ Giáo dục và Đào tạo đảm bảo kinh phí hoạt động cho các đoàn thanh tra, cán bộ thanh tra độc lập do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chánh Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập.*

2. *Sở Giáo dục và Đào tạo đảm bảo kinh phí hoạt động cho các đoàn thanh tra, cán bộ thanh tra độc lập do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chánh Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập.*

3. *Hiệu trưởng đảm bảo kinh phí hoạt động cho các đoàn thanh tra do Hiệu trưởng quyết định thành lập.*

4. *Kinh phí trưng tập công tác viên thanh tra thực hiện theo quy định về công tác viên thanh tra giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành*”.

Tuy nhiên, sau khi rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Trung ương và Thành phố chưa có quy định về kinh phí trưng tập công tác viên thanh tra khi tham gia công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi đối với các kỳ thi (các đối tượng trưng tập chủ yếu là cán bộ, giáo viên các cơ sở giáo dục công lập của Thành phố).

- Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính tại các văn bản: Công văn số 4843/BTC-HCSN ngày 27/5/2022 về việc thực hiện Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ Tài chính; trong đó tại mục 2 nêu: Trường hợp các địa phương xét thấy cần thiết quy định về nội dung, mức chi cho các thành viên tham gia công tác thanh tra, kiểm tra các kỳ thi quy định tại Điều 1 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngoài các chế độ đã quy định tại khoản 6 Điều 6, khoản 3 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC, đề nghị thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC: “4. *Ngoài các nội dung và mức chi quy định tại Thông tư này, HĐND cấp tỉnh quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và nguồn ngân sách địa phương*”; số 13287/BTC-HCSN ngày 22/11/2021 về việc nội dung, định mức chi tổ chức các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông, trong đó tại điểm b mục 2 nêu: Trường hợp thành phố Hà Nội thấy cần thiết ban hành các định mức chi khác ngoài quy định nêu tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ Tài chính, trong đó có nội dung, định mức chi cho Ban chấm thi trắc nghiệm, Ban phúc khảo bài thi trắc nghiệm, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội tham mưu báo cáo UBND thành phố Hà Nội trình HĐND thành phố Hà Nội quy định để thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi

*tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đặc thù chuẩn bị, tổ chức một số kỳ thi áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội là cần thiết và đúng thẩm quyền.

### **1.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **a. Phạm vi điều chỉnh:**

Quy định nội dung chi, mức chi đặc thù chuẩn bị, tổ chức một số kỳ thi áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội gồm: Ban chấm thi trắc nghiệm, Ban phúc khảo bài thi trắc nghiệm đối với kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, lớp 10 chuyên trung học phổ thông, kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp Thành phố, cấp quận, huyện, thị xã; tiền công tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi) đối với kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, lớp 10 chuyên trung học phổ thông. Chuẩn bị, tổ chức kỳ thi nghề phổ thông; thi tốt nghiệp tiếng Pháp cấp trung học cơ sở cho học sinh học chương trình song ngữ tiếng Pháp, chương trình tiếng Pháp tăng cường; hỗ trợ cộng tác viên thanh tra khi được trưng tập làm công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi đối với các kỳ thi.

#### **b. Đối tượng áp dụng:**

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công tác chuẩn bị, tổ chức một số kỳ thi áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội.

### **1.3. Đề xuất cụ thể**

#### **a. Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông**

- Tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban chấm thi trắc nghiệm: Mức chi bằng mức chi tiền công các chức danh là thành viên của Ban chấm thi tự luận quy định tại Biểu số 01 (Quy định mức chi chuẩn bị, tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông) - Phụ lục 07 quy định mức chi chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của HĐND Thành phố.

- Tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban phúc khảo bài thi trắc nghiệm: Mức chi bằng mức chi tiền công các chức danh là thành viên của Ban Phúc khảo bài thi tự luận quy định tại Biểu số 01 (Quy định mức chi chuẩn bị, tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông) - Phụ lục 07 quy định mức chi chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của HĐND Thành phố.

**b. Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, lớp 10 chuyên trung học phổ thông**

- Tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban chấm thi trắc nghiệm:

Mức chi bằng mức chi tiền công các chức danh là thành viên của Ban chấm thi tự luận quy định tại Biểu số 02 (Quy định mức chi chuẩn bị, tổ chức kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, lớp 10 chuyên trung học phổ thông) - Phụ lục 07 quy định mức chi chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của HĐND Thành phố.

- Tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban phúc khảo bài thi trắc nghiệm: Mức chi bằng mức chi tiền công các chức danh là thành viên của Ban Phúc khảo bài thi tự luận quy định tại Biểu số 02 (Quy định mức chi chuẩn bị, tổ chức kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, lớp 10 chuyên trung học phổ thông) - Phụ lục 07 quy định mức chi chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của HĐND Thành phố.

- Tiền công tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi) đối với kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, lớp 10 chuyên trung học phổ thông: 240.000 đồng/người/đợt chấm thi.

#### c. Kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa

- Tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban chấm thi trắc nghiệm: Mức chi bằng mức chi tiền công các chức danh là thành viên của Ban chấm thi tự luận quy định tại Biểu số 03 (Quy định mức chi chuẩn bị, tổ chức kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa) - Phụ lục 07 quy định mức chi chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của HĐND Thành phố.

- Tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban phúc khảo bài thi trắc nghiệm: Mức chi bằng mức chi tiền công các chức danh là thành viên của Ban Phúc khảo bài thi tự luận quy định tại Biểu số 03 (Quy định mức chi chuẩn bị, tổ chức kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa) - Phụ lục 07 quy định mức chi chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của HĐND Thành phố.

d. Kỳ thi nghề phổ thông; Kỳ thi tốt nghiệp tiếng Pháp cấp trung học cơ sở cho học sinh học chương trình song ngữ tiếng Pháp, chương trình tiếng Pháp tăng cường

Nội dung chi, mức chi bằng nội dung chi, mức chi áp dụng đối với kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông quy định tại Biểu số 02 (Quy định mức chi chuẩn bị, tổ chức kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, lớp 10 chuyên trung học phổ thông) Phụ lục 07 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của HĐND Thành phố và quy định tại mục b nêu trên.

e. Nội dung chi, mức chi hỗ trợ cộng tác viên thanh tra khi được trưng tập

làm công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi đối với các kỳ thi

- Mức hỗ trợ công tác viên thanh tra khi được trưng tập làm công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi đối với các kỳ thi: Bằng mức chi tiền công cho chức danh là cán bộ coi thi của Ban coi thi đối với các kỳ thi được HĐND thành phố Hà Nội quy định tại các Nghị quyết về mức chi các kỳ thi.

- Chi tiền ở, đi lại trong nước, tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ (nếu có): Thực hiện bằng mức chi tiền ở, đi lại, tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ (nếu có) cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi được quy định tại khoản 3, 5, 6 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính.

*(Đối với công tác viên thanh tra khi được trưng tập làm công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi đối với các kỳ thi đã được thực hiện theo quy định nêu trên thì không được hưởng chế độ đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính).*

Các nội dung và mức chi quy định tại Biểu số 03 Phụ lục 03 (quy định nội dung và mức chi tổ chức kỳ thi nghề phổ thông) ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố về việc quy định một số chính sách, nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết mới của HĐND Thành phố có hiệu lực thi hành.

#### **1.4. Nguồn kinh phí thực hiện:**

##### **a. Nguồn kinh phí thực hiện:**

- Nguồn ngân sách nhà nước: Các khoản chi chuẩn bị, tổ chức kỳ thi thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo.

- Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

##### **b. Dự kiến kinh phí thực hiện:**

Tổng kinh phí dự kiến 27.900 triệu đồng/năm, gồm:

- Tiền công Ban chấm thi trắc nghiệm, Ban phúc khảo bài thi trắc nghiệm đối với kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, lớp 10 chuyên trung học phổ thông, kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp Thành phố, cấp quận, huyện, thị xã; Tiền công tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi) đối với kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, lớp 10 chuyên trung học phổ thông: *Khoảng 2.000 triệu đồng/năm;*

- Kỳ thi nghề phổ thông: *Khoảng 17.000 triệu đồng/năm;*

- Kỳ thi tốt nghiệp tiếng Pháp cấp trung học cơ sở cho học sinh học chương trình song ngữ tiếng Pháp, chương trình tiếng Pháp tăng cường: *Khoảng 400 triệu đồng/năm;*

- Hỗ trợ cộng tác viên thanh tra khi được trưng tập làm công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi đối với các kỳ thi: *Khoảng 8.500 triệu đồng/năm.*

*(Chi tiết tại Tờ trình số 1641/TTrLS:GDĐT-TC ngày 10/6/2022 của liên Sở: Giáo dục và Đào tạo - Tài chính).*

## **2. Quy định nội dung chi, mức chi cho Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông của thành phố Hà Nội**

### **2.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

Thực hiện chủ trương đổi mới sách giáo khoa phổ thông, ngày 26/8/2020 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông (Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT), trong đó tại khoản 6 Điều 10 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh “*Bảo đảm nguồn kinh phí, cơ sở vật chất để Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa và các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức lựa chọn sách giáo khoa*”.

Ngày 21/02/2022, Bộ Tài chính có Công văn số 1671/BTC-HCSN về việc nội dung, mức chi cho việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông; trong đó Bộ Tài chính có ý kiến như sau: *Căn cứ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT; các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính và thực tế yêu cầu công việc phát sinh ở địa phương, trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định các nội dung và mức chi cho hoạt động lựa chọn sách giáo khoa phổ thông của địa phương và bố trí nguồn ngân sách địa phương để triển khai theo quy định.*

Hiện nay thành phố Hà Nội chưa có quy định cụ thể về nội dung chi, mức chi cho Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông của thành phố Hà Nội. Để triển khai thực hiện Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT và có cơ sở pháp lý đảm bảo kinh phí cho Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông của thành phố Hà Nội, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi cho việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội là cần thiết và đúng thẩm quyền.

### **2.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **a. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định nội dung chi, mức chi cho hoạt động của Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông của thành phố Hà Nội.

#### **b. Đối tượng áp dụng**

Thành viên Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Hội đồng.

### **2.3. Đề xuất cụ thể**

a. Nội dung chi: Vận dụng các nội dung chi quy định tại Thông tư số 29/2021/TT-BTC ngày 28/4/2021 của Bộ Tài chính.

b. Mức chi:

Việc lựa chọn sách giáo khoa là công việc mới đòi hỏi thành viên Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa phải đầu tư nhiều thời gian nghiên cứu, nhận xét, đánh giá sách giáo khoa theo tiêu chí lựa chọn cho phù hợp với quy định mới. Tuy nhiên, do mức độ tính chất công việc lựa chọn sách giáo khoa đơn giản hơn so với công việc thẩm định sách giáo khoa và lựa chọn trên cơ sở danh mục sách giáo khoa đã được Hội đồng thẩm định. Vì vậy, đề xuất mức chi đối với Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa bằng 50% mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 29/2021/TT-BTC ngày 28/4/2021 của Bộ Tài chính.

*(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)*

### **2.4. Nguồn kinh phí thực hiện**

a. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách cấp Thành phố.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Dự kiến kinh phí chi cho Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông của thành phố Hà Nội mỗi năm khoảng 1.368 triệu đồng

*(Chi tiết tại Tờ trình số 1640/TTrLS:GDĐT-TC ngày 10/6/2022 của liên Sở: Giáo dục và Đào tạo – Tài chính).*

**3. Quy định mức tiền thưởng đối với giải thưởng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, lĩnh vực thể thao quần chúng do các cấp thành phố, khu vực, toàn quốc tổ chức và chế độ đối với vận động viên khi tham gia các giải thể thao quần chúng**

#### **3.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

Hàng năm, dưới sự chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, UBND thành phố Hà Nội, Sở Văn hóa và Thể thao đã tổ chức các hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ quần chúng và chuyên nghiệp, cuộc thi sáng tác tuyên truyền lưu động; trang trí, cổ động trực quan trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật; tổ chức các giải thi đấu thể dục thể thao quần chúng. Thông qua các hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ quần chúng và chuyên nghiệp, cuộc thi sáng tác tuyên truyền lưu động; trang trí, cổ động trực quan nhiều tác phẩm tranh, ảnh tuyên truyền cổ động trực quan xuất sắc, có giá trị thẩm mỹ cao, được sử dụng phục vụ nhiệm vụ chính trị của Thành phố đã lựa chọn những cá nhân, các đơn vị tiêu biểu tham gia và đã đạt giải cao trong các kỳ Hội thi hội diễn khu vực, toàn quốc. Đồng thời thông qua các giải thi đấu thể thao quần chúng đã phát hiện ra nhiều vận động viên có tiềm

năng bổ sung vào đội tuyển thể thao quần chúng của Thành phố tham gia các giải thể thao phong trào quy mô khu vực và toàn quốc.

Do vậy, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức tiền thưởng đối với giải thưởng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, lĩnh vực thể thao quần chúng do các cấp thành phố, khu vực, toàn quốc tổ chức và chế độ đối với vận động viên khi tham gia các giải thể thao quần chúng là cần thiết và đúng thẩm quyền.

### **3.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **a. Phạm vi điều chỉnh:**

Quy định mức tiền thưởng đối với giải thưởng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, lĩnh vực thể thao quần chúng do các cấp thành phố, khu vực, toàn quốc tổ chức và chế độ đối với vận động viên khi tham gia các giải thể thao quần chúng.

#### **b. Đối tượng áp dụng:**

Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các đoàn thể Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã; UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

### **3.3. Đề xuất cụ thể**

#### **a. Đối với lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật:**

Mức tiền thưởng đối với giải thưởng của các cuộc thi, hội thi, hội diễn, liên hoan trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật: UBND Thành phố đề xuất áp dụng mức chi theo biểu số 02 - Phụ lục 04 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc quy định mức chi giải thưởng của các cuộc thi, hội thi, hội giảng, kỳ thi tay nghề trên địa bàn Thành phố.

#### **b. Đối với lĩnh vực thể thao quần chúng:**

- Mức tiền thưởng đối với giải thưởng các giải thi đấu thể thao quần chúng do khu vực, toàn quốc tổ chức:

+ Đối với giải cá nhân: UBND Thành phố đề xuất mức chi 1.500.000 đồng/huy chương vàng/vận động viên (tương đương mức tiền thưởng bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương được tặng bằng - 01 lần mức lương cơ sở theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 73 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng).

+ Đối với tập thể: UBND Thành phố đề xuất mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên được thưởng nhân mức thưởng tương ứng cho môn cá nhân (vận dụng nguyên tắc thưởng giữa giải cá nhân và giải tập thể quy định tại mục VIII, phụ lục 7, Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đạt thành tích cao trong các giải thi đấu quốc tế, khu vực, quốc gia của thành phố Hà Nội).

- Mức tiền thưởng đối với giải thưởng các giải thi đấu thể thao quần chúng do thành phố Hà Nội tổ chức:

+ Đối với giải cá nhân: UBND Thành phố đề xuất mức chi: 450.000 đồng/huy chương vàng (tương đương mức tiền thưởng giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp tỉnh - 0,3 lần mức lương cơ sở theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 73 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng). Do số lượng giải thi đấu thể thao quần chúng cấp Thành phố được tổ chức hàng năm khoảng 50 giải, cơ cấu giải thưởng thể thao quần chúng nhiều, nhằm động viên khích lệ phong trào tập luyện thể thao của người dân dẫn đến số lượng giải thưởng rất lớn, việc đề xuất mức tiền thưởng đối với huy chương vàng giải thi đấu thể thao quần chúng cấp Thành phố là 450.000 đồng là phù hợp với thực tiễn.

+ Đối với tập thể: UBND Thành phố đề xuất mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên được thưởng nhân mức thưởng tương ứng cho môn cá nhân (vận dụng nguyên tắc thưởng giữa giải cá nhân và giải tập thể quy định tại mục VIII, phụ lục 7, Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đạt thành tích cao trong các giải thi đấu quốc tế, khu vực, quốc gia của thành phố Hà Nội).

- Mức tiền thưởng đối với giải thưởng các giải thi đấu thể thao quần chúng do quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn tổ chức:

Căn cứ vào quy mô, tính chất phức tạp, chất lượng chuyên môn của các giải thi đấu thể thao các cấp (Thành phố, huyện, xã) quyết định tổ chức, UBND Thành phố đề xuất mức tiền thưởng đối với các giải thể thao quần chúng do quận, huyện, thị xã tổ chức bằng khoảng 70% mức thưởng các giải thể thao cấp Thành phố; xã phường, thị trấn tổ chức bằng khoảng 50% mức thưởng các giải thể thao cấp Thành phố.

- Chế độ đối với vận động viên khi tham gia các giải thi đấu thể thao quần chúng:

Đội tuyển thể thao quần chúng cấp Thành phố được thành lập trên cơ sở tuyển chọn các vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quần chúng cấp Thành phố. Tương đương quy trình tuyển chọn vận động viên cho đội tuyển năng khiếu cấp Thành phố thông qua các giải học sinh, các môn thể thao hè do Thành phố tổ chức. Vì vậy, UBND Thành phố đề xuất:

+ Chế độ dinh dưỡng trong thời gian tập luyện trước khi tham gia các giải thi đấu thể thao quần chúng cấp khu vực, toàn quốc: áp dụng mức chi bằng chế độ dinh dưỡng của đội tuyển năng khiếu các cấp (mức thấp nhất) theo phụ lục 04, Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố quy định chi tiết mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao, vận động viên thể thao của thành phố Hà Nội. Thời gian hưởng chế độ căn cứ theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn, tối đa không quá 30 ngày.

+ Chế độ dinh dưỡng trong thời gian tập luyện trước khi tham gia các giải thi đấu thể thao quần chúng Thành phố: áp dụng mức chi bằng 70% chế độ dinh dưỡng của đội tuyển năng khiếu các cấp (mức thấp nhất) theo phụ lục 04, Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố quy định chi tiết mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao, vận động viên thể thao của thành phố Hà Nội. Thời gian hưởng chế độ căn cứ theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn, tối đa không quá 20 ngày.

+ Chế độ đối với vận động viên khi tham gia các giải thi đấu thể thao quần chúng cấp khu vực, toàn quốc: áp dụng nội dung chi, mức chi công tác phí của cán bộ, công chức quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3, mục III - Phụ lục 03, Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội. Thời gian hưởng chế độ căn cứ theo kế hoạch thi đấu và điều lệ giải.

*(Chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm)*

### **3.4. Nguồn kinh phí thực hiện**

a. Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện: Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

b. Kinh phí dự kiến thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện năm 2022 là: 8.300 triệu đồng, trong đó: cấp Thành phố là: 4.200 triệu đồng; cấp quận, huyện, thị xã: 2.000 triệu đồng; cấp xã, phường, thị trấn: 2.100 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Tờ trình số 325/TTrLS:VHTT-TC ngày 08/6/2022 của liên Sở: Văn hóa và Thể thao - Tài chính)*

## **4. Quy định mức hỗ trợ thêm tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025**

### **4.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

- Để đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu được giao theo Nghị quyết số 28-NQ/TW 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội và Chương trình số 08-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của Nhân dân Thủ đô giai đoạn 2021-2025 là đến năm 2025, số người tham gia BHXH tự nguyện đạt trên 3% lực lượng lao động trong độ tuổi tương ứng 150.000 người và đến năm 2030, số người tham gia BHXH tự nguyện đạt 10% lực lượng lao động trong độ tuổi tương ứng 510.000 người. Bên cạnh việc giữ vững số người đang tham gia BHXH tự nguyện, trong 09 năm còn phải tăng mới ít nhất 446.696 người tương ứng mỗi năm phải tăng mới 49.632 người.

- Do tiêu chí xác định mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn tăng từ 700.000 đồng lên 1.500.000 đồng từ 01/01/2022, mức đóng BHXH tự nguyện tối

thiếu tăng từ 154.000 đồng/tháng lên 330.000 đồng/tháng (tăng 2,14 lần)<sup>2</sup> nên khó khăn trong việc vận động người dân tham gia BHXH tự nguyện.

- Việc hỗ trợ thêm tiền đóng BHXH cho người tham gia BHXH tự nguyện từ Ngân sách Thành phố là phù hợp với chủ trương “*Đầu tư cho an sinh, phúc lợi xã hội đi trước một bước so với phát triển kinh tế*” của Thành phố. Bên cạnh đó người lao động khi hết tuổi lao động không có lương hưu sẽ là một gánh nặng cho Ngân sách khi nhóm này bước vào nhóm người cao tuổi: đó là phải chi trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng cho đối tượng người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng (*hiện nay Ngân sách Thành phố đang hỗ trợ cho 92.961 đối tượng người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên ko có lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp XH hàng tháng với mức hỗ trợ là 440.000 đồng/người/tháng và tiền mua thẻ BHYT là 67.050 đồng/người/tháng, mỗi năm ngân sách phải hỗ trợ cho nhóm đối tượng này khoảng 565 tỷ đồng/năm*). Đồng thời giảm áp lực tài chính của người tham gia BHXH tự nguyện, từ đó khuyến khích người dân tham gia BHXH tự nguyện trong giai đoạn hiện nay (*khi cả nước nói chung và thành phố Hà Nội nói riêng chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19, mức sống và thu nhập của người dân bị giảm sút, số lượng người tham gia BHXH tự nguyện không đạt mục tiêu Trung ương đề ra*) và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Thủ đô.

- Việc hỗ trợ thêm tiền đóng BHXH cho người tham gia BHXH tự nguyện từ Ngân sách Nhà nước thể hiện sự quan tâm của Đảng bộ, Chính quyền Thành phố trong việc phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao trùm và bền vững, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của Nhân dân Thủ đô, để người dân tin tưởng các chính sách an sinh, xã hội của Thành phố, tạo động lực từ đó làm tiền đề, tạo thói quen cho người dân tự nguyện tham gia BHXH để đảm bảo cuộc sống khi về già.

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành và các phân tích nêu trên, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thêm tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

#### **4.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **a. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội, hỗ trợ thêm tiền đóng BHXH cho người tham gia BHXH tự nguyện trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022 - 2025.

##### **b. Đối tượng áp dụng**

<sup>2</sup> Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo hiểm xã hội quy định: người tham gia BHXH tự nguyện hàng tháng đóng bằng 22% mức thu nhập tháng do người lao động lựa chọn để đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất; mức thu nhập tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội thấp nhất bằng mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và cao nhất bằng 20 lần mức lương cơ sở.

Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/02/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ trường hợp đóng theo phương thức quy định tại Khoản 2 Điều 8 Chương III Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH), đăng ký thường trú tại thành phố Hà Nội, là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên và không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bao gồm:

- Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn dưới 03 tháng trước ngày 01 tháng 01 năm 2018; người lao động làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn dưới 01 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 trở đi;
- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;
- Người lao động giúp việc gia đình;
- Người tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không hưởng tiền lương;
- Xã viên không hưởng tiền lương, tiền công làm việc trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- Người nông dân, người lao động tự tạo việc làm bao gồm những người tự tổ chức hoạt động lao động để có thu nhập cho bản thân và gia đình;
- Người lao động đã đủ điều kiện về tuổi đời nhưng chưa đủ điều kiện về thời gian đóng để hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội (***trừ trường hợp người lao động đã đủ điều kiện về tuổi để hưởng lương hưu nhưng thời gian đóng bảo hiểm xã hội còn thiếu không quá 10 năm***);
- Người tham gia khác.

*(Đối tượng người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được xác định theo quy định tại Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05/9/2021 của UBND Thành phố quy định chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025)*

#### **4.3. Đề xuất cụ thể**

Người tham gia BHXH tự nguyện được hỗ trợ tiền đóng theo tỷ lệ phần trăm (%) trên mức đóng BHXH tự nguyện hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định, cụ thể:

- a. Hỗ trợ thêm 30% mức đóng BHXH tự nguyện đối với người thuộc hộ nghèo.
- b. Hỗ trợ thêm 25% mức đóng BHXH tự nguyện đối với người thuộc hộ cận nghèo.
- c. Hỗ trợ thêm 10% mức đóng BHXH tự nguyện đối với các đối tượng khác.

*(Mức hỗ trợ này ngoài mức hỗ trợ đóng BHXH tự nguyện được quy định tại Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ).*

#### 4.4. Nguồn kinh phí thực hiện

##### a. Nguồn kinh phí thực hiện:

Ngân sách quận, huyện, thị xã. Riêng năm 2022, đối với các huyện, thị xã khó khăn chưa tự cân đối ngân sách, UBND các huyện, thị xã tổng hợp kinh phí hỗ trợ gửi Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội tổng hợp, phối hợp Sở Tài chính tham mưu UBND Thành phố bổ sung kinh phí cho các huyện, thị xã triển khai thực hiện chính sách.

##### b. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Dự kiến kinh phí hỗ trợ thêm tiền đóng BHXH cho người tham gia BHXH tự nguyện giai đoạn 2022-2025 là khoảng 181.966 triệu đồng.

##### c. Thời gian thực hiện: Từ 01/8/2022 đến hết ngày 31/12/2025.

(Chi tiết tại Tờ trình số 2428/TTrLN:BHXH-LĐTĐBXH-TC ngày 15/6/2022 của liên ngành: Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội – Sở Lao động Thương binh và Xã hội – Sở Tài chính).

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết nghị./. *tc*

##### Nơi nhận:

- Như trên;
- Đồng chí Bí thư Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Đồng chí PCT TT UBND Thành phố;
- Các đồng chí PCT UBND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Các Sở: TC, GDĐT, VHNT, TP;
- Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội;
- VPUB: CVP, các PCVP, KGVX, KTTH, TH;
- Lưu: VT, KTTH. *AL*

32072 - 120

53042 -

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Lê Hồng Sơn*

## Phụ lục 01

### Quy định nội dung chi, mức chi cho Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông của thành phố Hà Nội

(Kèm theo Tờ trình số 20/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của UBND Thành phố)

| TT | Nội dung chi                                                                                   | Mức chi                                                                                                                                                                                                                                            |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Chi tổ chức họp lựa chọn sách giáo khoa                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                    |
| a  | Chi thuê hội trường, văn phòng phẩm, sao in tài liệu cho Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa      | Thanh toán theo thực tế, hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và trong phạm vi dự toán được giao                                                                                                                                  |
| b  | Chi giải khát giữa giờ                                                                         | Áp dụng mức chi nước uống tổ chức các cuộc hội nghị theo quy định tại phụ lục 03 quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố |
| c  | Chi tiền công họp của thành viên Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa                              |                                                                                                                                                                                                                                                    |
|    | Chủ tịch Hội đồng                                                                              | 100.000 đồng/người/buổi                                                                                                                                                                                                                            |
|    | Phó Chủ tịch, ủy viên, thư ký Hội đồng                                                         | 75.000 đồng/người/buổi                                                                                                                                                                                                                             |
| 2  | Tiền công thực hiện nghiên cứu, nhận xét và đánh giá sách giáo khoa theo các tiêu chí lựa chọn | 25.000 đồng/người/tiết/môn học                                                                                                                                                                                                                     |

## Phụ lục 02

### Quy định mức tiền thưởng đối với giải thưởng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, lĩnh vực thể thao quần chúng do các cấp thành phố, khu vực, toàn quốc tổ chức và chế độ đối với vận động viên khi tham gia các giải thể thao quần chúng

(Kèm theo Tờ trình số ~~200~~ <sup>200</sup>/TTr-UBND ngày ~~22~~ <sup>22</sup> tháng 6 năm 2022 của UBND Thành phố)

| STT        | Nội dung                                                                                                                                                     | Mức giải              |             | Mức chi (đồng) |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------|----------------|
|            |                                                                                                                                                              | Hình thức trao thưởng | Đơn vị tính |                |
| <b>A</b>   | <b>Mức tiền thưởng đối với giải thưởng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, lĩnh vực thể thao quần chúng do các cấp thành phố, khu vực, toàn quốc tổ chức</b> |                       |             |                |
| <b>A.1</b> | <b>Mức tiền thưởng đối với giải thưởng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật</b>                                                                                |                       |             |                |
| <b>I</b>   | <b>Văn hóa, nghệ thuật quần chúng</b>                                                                                                                        |                       |             |                |
| <b>1</b>   | <i>Hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ quần chúng; Hội thi tuyên truyền lưu động, tuyên truyền giới thiệu sách</i>                                         |                       |             |                |
| <b>1.1</b> | <b>Cấp Thành phố tổ chức</b>                                                                                                                                 |                       |             |                |
|            | Huy chương vàng (Giải A)                                                                                                                                     | Tập thể               |             | 10.000.000     |
|            |                                                                                                                                                              | Cá nhân               |             | 6.000.000      |
|            | Huy chương bạc (Giải B)                                                                                                                                      | Tập thể               |             | 7.000.000      |
|            |                                                                                                                                                              | Cá nhân               |             | 3.000.000      |
|            | Huy chương đồng (Giải C)                                                                                                                                     | Tập thể               |             | 5.000.000      |
|            |                                                                                                                                                              | Cá nhân               |             | 2.000.000      |
|            | Giải Khuyến khích                                                                                                                                            | Tập thể               |             | 3.000.000      |
|            |                                                                                                                                                              | Cá nhân               |             | 1.000.000      |
|            | Giải phụ khác                                                                                                                                                | Cá nhân               |             | 500.000        |
| <b>1.2</b> | <b>Cấp quận, huyện, thị xã tổ chức</b>                                                                                                                       |                       |             |                |
|            | Huy chương vàng (Giải A)                                                                                                                                     | Tập thể               |             | 5.000.000      |
|            |                                                                                                                                                              | Cá nhân               |             | 3.000.000      |
|            | Huy chương bạc (Giải B)                                                                                                                                      | Tập thể               |             | 3.500.000      |
|            |                                                                                                                                                              | Cá nhân               |             | 1.500.000      |
|            | Huy chương đồng (Giải C)                                                                                                                                     | Tập thể               |             | 2.500.000      |
|            |                                                                                                                                                              | Cá nhân               |             | 1.000.000      |
|            | Giải Khuyến khích                                                                                                                                            | Tập thể               |             | 1.500.000      |
|            |                                                                                                                                                              | Cá nhân               |             | 500.000        |
|            | Giải phụ khác                                                                                                                                                | Cá nhân               |             | 250.000        |
| <b>1.3</b> | <b>Cấp xã, phường, thị trấn tổ chức</b>                                                                                                                      |                       |             |                |

| STT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mức giải              |             | Mức chi (đồng) |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------|----------------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Hình thức trao thưởng | Đơn vị tính |                |
| 2   | Huy chương vàng (Giải A)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                       | Tập thể     | 2.500.000      |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                       | Cá nhân     | 1.500.000      |
|     | Huy chương bạc (Giải B)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                       | Tập thể     | 1.800.000      |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                       | Cá nhân     | 800.000        |
|     | Huy chương đồng (Giải C)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                       | Tập thể     | 1.300.000      |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                       | Cá nhân     | 500.000        |
|     | Giải Khuyến khích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                       | Tập thể     | 800.000        |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                       | Cá nhân     | 250.000        |
|     | Giải phụ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                       | Cá nhân     | 150.000        |
|     | <i>Cuộc thi: sáng tác tranh, ảnh cổ động, thiết kế logo biểu trưng, cụm cổ động, trang trí trực quan (ánh sáng, cây hoa cây cảnh, tòa nhà, đường phố...), thiết kế, trưng bày triển lãm, sáng tác ca khúc, kịch bản sân khấu, kịch bản thông tin (câu chuyện thông tin), tìm hiểu về di sản và các cuộc thi văn hóa nghệ thuật quần chúng khác</i> |                       |             |                |
|     | <b>2.1 Cấp Thành phố tổ chức</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                       |             |                |
|     | Giải nhất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                       | Tập thể     | 10.000.000     |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                       | Cá nhân     | 6.000.000      |
| 2.2 | Giải nhì                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                       | Tập thể     | 7.000.000      |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                       | Cá nhân     | 3.000.000      |
|     | Giải ba                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                       | Tập thể     | 5.000.000      |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                       | Cá nhân     | 2.000.000      |
|     | Giải khuyến khích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                       | Tập thể     | 3.000.000      |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                       | Cá nhân     | 1.000.000      |
|     | Giải phong trào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                       | Cá nhân     | 500.000        |
|     | <b>2.2 Cấp quận, huyện, thị xã tổ chức</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                       |             |                |
|     | Giải nhất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                       | Tập thể     | 5.000.000      |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                       | Cá nhân     | 3.000.000      |
|     | Giải nhì                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                       | Tập thể     | 3.500.000      |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                       | Cá nhân     | 1.500.000      |
|     | Giải ba                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                       | Tập thể     | 2.500.000      |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                       | Cá nhân     | 1.000.000      |
|     | Giải khuyến khích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                       | Tập thể     | 1.500.000      |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                       | Cá nhân     | 500.000        |
|     | Giải phong trào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                       | Cá nhân     | 250.000        |

| STT        | Nội dung                                                                                                                       | Mức giải              |             | Mức chi (đồng) |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------|----------------|
|            |                                                                                                                                | Hình thức trao thưởng | Đơn vị tính |                |
| <b>2.3</b> | <b>Cấp xã, phường, thị trấn tổ chức</b>                                                                                        |                       |             |                |
|            | Giải nhất                                                                                                                      | Tập thể               |             | 2.500.000      |
|            |                                                                                                                                | Cá nhân               |             | 1.500.000      |
|            | Giải nhì                                                                                                                       | Tập thể               |             | 1.800.000      |
|            |                                                                                                                                | Cá nhân               |             | 800.000        |
|            | Giải ba                                                                                                                        | Tập thể               |             | 1.300.000      |
|            |                                                                                                                                | Cá nhân               |             | 500.000        |
|            | Giải khuyến khích                                                                                                              | Tập thể               |             | 800.000        |
|            |                                                                                                                                | Cá nhân               |             | 250.000        |
|            | Giải phong trào                                                                                                                | Cá nhân               |             | 150.000        |
| <b>II</b>  | <b>Văn hóa, nghệ thuật chuyên nghiệp</b>                                                                                       |                       |             |                |
| <b>I</b>   | <b><i>Cuộc thi, hội thi, hội diễn, liên hoan văn hóa nghệ thuật chuyên nghiệp</i></b>                                          |                       |             |                |
|            | Huy chương vàng (Giải A)                                                                                                       | Tập thể               |             | 20.000.000     |
|            |                                                                                                                                | Cá nhân               |             | 12.000.000     |
|            | Huy chương bạc (Giải B)                                                                                                        | Tập thể               |             | 10.000.000     |
|            |                                                                                                                                | Cá nhân               |             | 6.000.000      |
|            | Huy chương đồng (Giải C)                                                                                                       | Tập thể               |             | 7.000.000      |
|            |                                                                                                                                | Cá nhân               |             | 3.000.000      |
|            | Giải Khuyến khích                                                                                                              | Tập thể               |             | 5.000.000      |
|            |                                                                                                                                | Cá nhân               |             | 2.000.000      |
|            | Giải phụ khác                                                                                                                  | Cá nhân               |             | 1.000.000      |
| <b>A.2</b> | <b>Mức tiền thưởng đối với giải thưởng trong lĩnh vực thể thao quần chúng do các cấp thành phố, khu vực, toàn quốc tổ chức</b> |                       |             |                |
| <b>I</b>   | <b>Giải thi đấu thể thao quần chúng do khu vực, toàn quốc tổ chức</b>                                                          |                       |             |                |
| <b>1</b>   | <b>Giải cá nhân</b>                                                                                                            |                       |             |                |
|            | Huy chương vàng                                                                                                                | Cá nhân               |             | 1.500.000      |
|            | Huy chương bạc                                                                                                                 | Cá nhân               |             | 1.000.000      |
|            | Huy chương đồng                                                                                                                | Cá nhân               |             | 800.000        |

| STT | Nội dung                                                          | Mức giải              |             | Mức chi (đồng)                                                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                   | Hình thức trao thưởng | Đơn vị tính |                                                                                                    |
| 2   | Giải tập thể                                                      |                       | Tập thể     | Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên được thưởng nhân mức thưởng tương ứng cho môn cá nhân |
| II  | Giải thi đấu thể thao quần chúng do Thành phố tổ chức             |                       |             |                                                                                                    |
| 1   | Giải cá nhân                                                      |                       |             |                                                                                                    |
|     | Huy chương vàng                                                   |                       | Cá nhân     | 450.000                                                                                            |
|     | Huy chương bạc                                                    |                       | Cá nhân     | 350.000                                                                                            |
|     | Huy chương đồng                                                   |                       | Cá nhân     | 250.000                                                                                            |
| 2   | Giải tập thể                                                      |                       | Tập thể     | Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên được thưởng nhân mức thưởng tương ứng cho môn cá nhân |
| III | Giải thi đấu thể thao quần chúng cấp quận, huyện, thị xã tổ chức  |                       |             |                                                                                                    |
| 1   | Giải cá nhân                                                      |                       |             |                                                                                                    |
|     | Huy chương vàng                                                   |                       | Cá nhân     | 350.000                                                                                            |
|     | Huy chương bạc                                                    |                       | Cá nhân     | 250.000                                                                                            |
|     | Huy chương đồng                                                   |                       | Cá nhân     | 200.000                                                                                            |
| 2   | Giải tập thể                                                      |                       | Tập thể     | Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên được thưởng nhân mức thưởng tương ứng cho môn cá nhân |
| IV  | Giải thi đấu thể thao quần chúng cấp xã, phường, thị trấn tổ chức |                       |             |                                                                                                    |
| 1   | Giải cá nhân                                                      |                       |             |                                                                                                    |
|     | Huy chương vàng                                                   |                       | Cá nhân     | 250.000                                                                                            |
|     | Huy chương bạc                                                    |                       | Cá nhân     | 200.000                                                                                            |

| STT | Nội dung                                                                                                                                              | Mức giải              |                 | Mức chi (đồng)                                                                                                                                                                           |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                       | Hình thức trao thưởng | Đơn vị tính     |                                                                                                                                                                                          |
|     | Huy chương đồng                                                                                                                                       |                       | Cá nhân         | 150.000                                                                                                                                                                                  |
| 2   | Giải tập thể                                                                                                                                          |                       | Tập thể         | Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên được thưởng nhân mức thưởng tương ứng cho môn cá nhân                                                                                       |
| B   | Chế độ đối với vận động viên khi tham gia các giải thể thao quần chúng                                                                                |                       |                 |                                                                                                                                                                                          |
| 1   | Chế độ dinh dưỡng trong thời gian tập luyện trước khi tham gia thi đấu                                                                                |                       |                 |                                                                                                                                                                                          |
|     | Giải thi đấu thể thao quần chúng cấp khu vực, toàn quốc (thời gian hưởng chế độ căn cứ theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn, tối đa không quá 30 ngày) |                       | đồng/người/ngày | 130.000                                                                                                                                                                                  |
|     | Giải thi đấu thể thao quần chúng cấp Thành phố (thời gian hưởng chế độ căn cứ theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn, tối đa không quá 20 ngày)          |                       | đồng/người/ngày | 100.000                                                                                                                                                                                  |
| 2   | Chế độ khi tham gia thi đấu các giải thi đấu thể thao cấp khu vực, toàn quốc (thời gian hưởng chế độ căn cứ theo kế hoạch thi đấu và điều lệ giải)    |                       |                 | Áp dụng nội dung chi, mức chi công tác phí của cán bộ, công chức quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3, mục III - Phụ lục 03, Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố |